

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 - HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/DS-ST

Ngày 22-8-2025

“V/v tranh chấp về thừa kế tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Minh và ông Nguyễn Trường Ca.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Tiến - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9, Hải Phòng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Loan - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 38/2025/TLST - DS ngày 16 tháng 4 năm 2025 về việc *“tranh chấp về thừa kế tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST- DS ngày 28-7-2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2025/QĐST - DS giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị L, sinh năm 1996; địa chỉ: Tổ dân phố L, phường T, thành phố Hải Phòng (*có mặt tại phiên tòa*).

- Bị đơn: Bà Trần Thị L1, sinh năm 1973; địa chỉ: Tổ dân phố T, phường L, thành phố Hải Phòng (*có mặt tại phiên tòa*).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Vũ Thị H, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ dân phố C, phường T, thành phố Hải Phòng (*có mặt tại phiên tòa*).

+ Chị Vũ Thị H1, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ dân phố T, phường L, thành phố Hải Phòng (*có mặt tại phiên tòa*).

+ Anh Vũ Đình H2, sinh năm 1993; địa chỉ: Tổ dân phố T, phường L, thành phố Hải Phòng.

+ Anh Vũ Đình K, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn Q, phường L, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo ủy quyền của chị H1, anh H2, anh K: Chị Vũ Thị H, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ dân phố C, phường T, thành phố Hải Phòng.

+ Chị Vũ Thị H3, sinh năm 1981; nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố T, phường C, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Tổ dân phố T, phường L, thành phố Hải Phòng (*vắng mặt tại phiên tòa*).

+ Anh Nguyễn Văn L2, sinh năm 1992; địa chỉ: Tổ dân phố L, phường T, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo ủy quyền của anh L2: Chị Vũ Thị L, sinh năm 1996; địa chỉ: Tổ dân phố L, phường T, thành phố Hải Phòng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn là chị Vũ Thị L trình bày: Ông Vũ Đình X ly hôn với bà Nguyễn Thị H4 năm 1994 có phân chia tài sản chung là nhà đất tại thửa số 237, tờ bản đồ số 2 tại thôn T, xã Đ. Ngày 03-1-2003 ông X được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông với diện tích 225m² tại thửa đất số 237, tờ bản đồ số 2 tại thôn T, xã Đ. Ông X và bà H4 có 04 con chung gồm chị Vũ Thị H3, chị Vũ Thị H, chị Vũ Thị H1 và anh Vũ Đình H2 ngoài ra ông có 01 con riêng là anh Vũ Đình K.

Năm 1994 ông X kết hôn với bà Trần Thị L1 có 01 con chung duy nhất là chị. Sau khi kết hôn ông X và bà L1 chung sống tại thửa đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng trên. Khoảng giữa năm 2023 ông X mắc bệnh ung thư vòm họng phải điều trị tích cực. Ngày 11-11-2023 ông X có lập di chúc thể hiện nội dung: Ông là chủ sở hữu đối với thửa đất số 237, tờ bản đồ số 02, số vào sổ cấp giấy chứng nhận 1699QSDĐ/ĐL- CL tại khu dân cư Trụ Thượng, Đ có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 03-01-2003. Ông để lại cho bà Vũ Thị L3 (*con gái*) và ông Nguyễn Văn L2 (*con rể*) hưởng quyền sử dụng thửa đất trên khi ông qua đời. Di chúc có bà Vũ Thị C và ông Đặng Thái L4 ký xác nhận là người làm chứng. Ngày 12-01-2024 ông Vũ Đình X chết.

Chị L đề nghị tòa án công nhận bản di chúc của ông Vũ Đình X ngày 11-11-2023 hợp pháp.

Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai bị đơn là bà Trần Thị L1 trình bày: Năm 1994 bà và ông Vũ Đình X đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ và chung sống với nhau tại thửa đất số 237, tờ bản đồ số 02 ở thôn Đ, C, Hải Dương. Nguồn gốc thửa đất là tài sản chung giữa ông X và bà H4. Sau khi ly hôn phân chia mỗi người $\frac{1}{2}$ thửa đất và ngôi nhà X và bà có 01 con chung Vũ Thị L ngoài ra ông bà không có con chung, con riêng nào khác.

Năm 2023 ông X có lập di chúc để lại thửa đất trên cho vợ chồng con Vũ Thị L và Nguyễn Văn L2. Tại thời điểm ông X lập di chúc sức khỏe của ông X yếu nhưng ông X rất minh mẫn, tỉnh táo. Bà có được chứng kiến việc ông X ký và điểm chỉ tại bản di chúc trước sự chứng kiến của hai người làm chứng là bà Vũ Thị C và ông Đặng Thái L4. Nay chị L đề nghị tòa án công nhận bản di chúc

của ông Vũ Đình X ngày 11-11-2023 hợp pháp, bà nhất trí đề nghị tòa án giải quyết. Trong quá trình chung sống với ông X tại nhà đất thuộc thửa đất số 237, tờ bản đồ số 02 bà có cải tạo sửa chữa các công trình trên đất nhưng bà tự nguyện không yêu cầu tòa án giải quyết.

Phần trình bày của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Vũ Thị H1, anh Vũ Đình H2: Bố mẹ đẻ của anh chị là ông Vũ Đình X và bà Nguyễn Thị H4, ông bà có 4 con chung và 01 con riêng. Ngoài ra ông X có 01 con chung với bà Trần Thị L1. Ông X, bà H4 ly hôn và phân chia tài sản đầu năm 1994 đến cuối năm 1994 bố chị kết hôn với bà L1. Sau khi phân chia ông X được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng năm 2003 và tiếp tục sinh sống trên nhà đất này cùng với bà L1. Tháng 6-2023 ông X bị ung thư vòm họng chị em chị thay nhau chăm sóc. Tháng 01-2024 ông X chết không để lại di chúc. Đối với bản di chúc ngày 11-11-2023 do chị L xuất trình tại tòa án anh chị không biết, trong cả quá trình còn sống ông X không trao đổi về di chúc. Chữ ký trong bản di chúc anh chị cũng không biết có phải chữ ký của ông X hay không và anh chị không có mẫu chữ ký. Chị L yêu cầu xác nhận di chúc hợp pháp anh H2 chị H1 không đồng ý.

+ Chị Vũ Thị H: Chị là con chung của ông X và bà H4. Do chị là con lớn nhất nên trong suốt quá trình ông X chữa bệnh chị luôn chăm sóc cận kề bên ông. Ông X bị ung thư vòm họng nên thường xuyên đau đầu, mất ngủ. Trong thời gian trước khi chết ông X không còn tỉnh táo, minh mẫn và chưa bao giờ thấy ông X nhắc đến di chúc cho nhà đất chị L. Đến nay chị không ý với quan điểm khởi kiện của chị L vì tại thời điểm làm di chúc chị em chị, trưởng khu, bạn bè của ông X không được chứng kiến. Mặt khác do bệnh nặng nên ông X đau đầu, mắt kém tinh thần không còn minh mẫn. Lý do nữa chị xác nhận ông X cho một mình chị L nhà đất là không đúng với ý chí vì chị nghĩ ông X sẽ cho mỗi chị em một ít hoặc cho con trai. Vì tất cả những lý do trên nên chị đề nghị tòa án giám định di chúc của ông X ngày 11-11-2023. Tòa án có yêu cầu chị cung cấp mẫu chữ ký của ông X để phục vụ việc giám định. Chị xác định không có tài liệu nào có chữ ký của ông X để cung cấp cho Tòa án. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

+ Anh Vũ Đình K: Anh là con đẻ duy nhất của ông Vũ Đình X và bà Nguyễn Thị T. Bố anh chết ngày 12-01-2024 không nói gì về việc lập di chúc chia tài sản. Tòa án có cho anh xem bản di chúc ngày 11-11-2023 do ông X lập có người làm chứng quan điểm của anh đề nghị Tòa án giải quyết tính xác thực bản di chúc đó có hợp pháp hay không, có được lập trong lúc ông X tỉnh táo hay bị ép buộc không. Vì khoảng một tháng trước khi ông X mất, ông X không nói chuyện điện thoại được.

Phần trình bày của người làm chứng:

+ Ông Đặng Thái L4 và bà Vũ Thị C: Năm 2023 ông X bị bệnh ung thư nặng ông có nhờ ông bà làm di chúc. Ông X nói chị H1 muốn lấy đất nhưng không đưa tiền cho ông chữa bệnh mà toàn bộ các chi phí chữa bệnh của ông X

là tiền của vợ chồng chị L, anh L2 do vậy ông X đồng ý làm di chúc để lại di sản thừa kế là thửa đất số 237, tờ bản đồ số 02 tại khu dân cư T, phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương cho vợ chồng chị L, anh L2 và nhờ soạn trước nội dung để ông ký. Khoảng 17 giờ 30 ngày 11-11-2023 ông bà đến nhà ông X ở khu dân cư T, phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Khi đến có ông X, chị L và bà L1 ở nhà, ngoài ra không có ai khác, thời gian này ông X đang điều trị nội trú tại nhà, mặc dù bị bệnh nhưng ông X vẫn đi lại và nhận thức được. Qua nói chuyện ông X cũng nói về bệnh tình của mình và chi phí chữa bệnh là do chị L chỉ trả, chị H1 trước đây nói mua đất nhưng sau đó lại không mua nữa, ông cũng đã tìm người khác ngoài gia đình mua đất nhưng chưa tách được đất nên cũng không bán được. Do chi phí chữa bệnh tốn kém và chị L là người chăm sóc, chỉ trả tiền chữa bệnh cho ông vì vậy ông X đồng ý để lại di sản thừa kế là thửa đất số 237, tờ bản đồ số 02 tại khu dân cư T, phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương cho vợ chồng chị L, anh L2. Sau khi được ông bà đọc di chúc cho nghe ông X cũng tự đọc lại và nhất trí với nội dung di chúc đã ký, điểm chỉ vào di chúc trước sự chứng kiến của ông bà. Ông bà cam kết lời khai đã trình bày ở trên là đúng sự thật. Giữa ông bà và ông X không có quan hệ hàng, không có lợi ích gì đối với di sản thừa kế mà ông X để lại.

+ Bà Nguyễn Thị H4: Bà là mẹ của chị H1, chị H3, chị H, anh H2. Năm 1994 bà và ông X ly hôn và phân chia tài sản mỗi người $\frac{1}{2}$ nhà đất. Sau đó bà dọn về sống cùng bố mẹ đẻ và chuyển nhượng phần đã phân chia cho người khác. Từ đó bà và ông X không liên quan với nhau nữa nên bà không biết nguyện vọng của ông X trong việc định đoạt tài sản. Chị Vũ Thị H3 đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường L nhưng từ năm 2023 khi ly hôn chị H3 về sống cùng với bà. Hiện chị H3 đi tu tập, mẹ con vẫn thường xuyên liên hệ điện thoại với nhau. Bà đã thông tin việc tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, chị H3 đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, chị không có ý kiến gì khác.

+ Ông Vũ Đình S: Ông làm trưởng khu kiêm bí thư từ năm 2019 đồng thời là hàng xóm giáp ranh với gia đình ông X. Ông xác nhận trong suốt thời gian điều trị bệnh ung thư tinh thần ông X tỉnh táo minh mẫn, sức khỏe thì yếu.

+ Ông Vũ Đình B: Ông là nguyên là chủ tịch UBND phường Đ. Trong giai đoạn điều trị bệnh ung thư vì là họ hàng trong họ nên ông biết rõ sức khỏe của ông X. Trong những lần ông đến thăm kể cả khi bệnh viện trả về sức khỏe ông X yếu nhưng tinh thần vẫn rất minh mẫn không có hiện tượng nhầm lẫn.

Tại phiên tòa:

Chị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị công nhận di chúc ngày 11-11-2023 của ông Vũ Đình X là hợp pháp.

Bà L1 trình bày nhất trí với yêu cầu của chị L1.

Chị H, chị H1 trình bày không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của chị L. Chị xác định tại thời điểm lập di chúc ông Vũ Đình X không còn minh mẫn tỉnh

táo. Việc lập di chúc không minh bạch, các chị đều là con ruột không biết về di chúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng thủ tục tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự;

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 611, 612, 613, 623, 630, 631, 632, 634 Bộ luật dân sự ; Điều 95, 167, 170 Luật đất đai; khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị L, tuyên xử: Công nhận di chúc của ông Vũ Đình X lập ngày 11-11-2023 là di chúc hợp pháp.

Về án phí: Bà Trần Thị L1 phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án yêu cầu xác nhận di chúc hợp pháp bị đơn cư trú tại phường L. Do vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng theo quy định tại khoản 5, khoản 9 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự có mặt của đương sự: Chị Trần Thị H5 vắng mặt tại phiên tòa đã được triệu tập hợp lệ, anh Vũ Đình K, anh Vũ Đình H2 vắng nhưng đã có ủy quyền hợp lệ cho người đại diện thay mặt tham gia tố tụng nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

Về việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện: Ngày 20-5-2025 nguyên đơn có đơn xin rút yêu cầu về việc phân chia di sản thừa kế của ông Vũ Đình X là thửa đất số 237 tờ bản đồ số 02, địa chỉ tại khu dân cư T, phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương đã được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 03-01-2023 theo di chúc. Xét việc rút là tự nguyện nên căn cứ khoản 2 Điều 244 BLTTDS đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này của nguyên đơn.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy.

[2.1] Về di sản thừa kế: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thống nhất xác định di sản thừa kế do ông Vũ Đình X để lại là quyền sử dụng thửa đất số 237 tờ bản đồ số 02, địa chỉ tại tổ dân phố T, phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương đã được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất ngày 03-01-2023. Nguồn gốc thửa đất xác định là tài sản riêng của ông X sau khi được phân chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn đối với bà Nguyễn Thị H4 năm 1994. Trên đất có tài sản là nhà ở do ông X, bà H4 xây dựng từ trước, sau khi ông X kết hôn với bà L1 ông bà có cải tạo tường, mái chống nóng nhưng bà L1 không yêu cầu giải quyết. Các đương sự không tranh chấp về nguồn gốc của tài sản thừa kế nên xác định thửa đất số 237 là di sản hợp pháp của ông X.

[2.2] Về hình thức di chúc: Di chúc ngày 11-11-2023 của ông Vũ Đình X được đánh máy trên giấy khổ A4 có chữ ký và điểm chỉ của ông X, có sự chứng kiến của hai người làm chứng là ông Đặng Thái L4 và bà Vũ Thị C. Di chúc thể hiện ý chí của cá nhân nhằm chuyển tài sản của mình cho người khác sau khi chết; người lập bản di chúc trong trường hợp minh mẫn tỉnh táo, không bị lừa dối, cưỡng ép phù hợp. Ông X thể hiện ý chí tự nguyện ký và điểm chỉ vào di chúc. Ông L4 và bà T1 không thuộc trường hợp quy định tại Điều 632 Bộ luật dân sự nên đủ điều kiện làm người làm chứng đã ký xác nhận và di chúc. Do vậy xác định đây là di chúc bằng văn bản có người làm chứng quy định tại Điều 634 Bộ luật dân sự.

[2.3] Về nội dung di chúc: Di chúc ngày 11-11-2023 ghi rõ ngày tháng năm lập di chúc là ngày 11 tháng 11 năm 2023, họ tên của người lập di chúc là ông Vũ Đình X, sinh năm 1963, có nơi cư trú cụ thể, người được hưởng di sản là chị Vũ Thị L và anh Nguyễn Văn L2 có địa chỉ cụ thể; di sản để lại là thửa đất số 237, tờ bản đồ số 02 tại khu dân cư T, phường Đ có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Vũ Đình X. Tại di chúc ông X thể hiện nguyện vọng chuyển tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của mình cho chị L và anh L2 sau khi chết. Tại kết luận giám định thể hiện chữ ký và chữ viết mang tên Vũ Đình X tại mục người lập di chúc trên mẫu cần giám định so với mẫu so sánh do cùng một người viết ra.

Chị H1, chị H, anh H2, anh K trình bày tại thời điểm ký di chúc ông X không còn tỉnh táo minh mẫn, việc lập di chúc không bàn bạc và thông báo cho các anh chị biết. Ngoài lời trình bày anh chị không đưa ra được chứng cứ tài liệu chứng minh. Những người làm chứng như ông B, ông S, chị T1, anh L4 đều thừa nhận ông X hoàn toàn minh mẫn tỉnh táo đủ năng lực hành vi dân sự lập di chúc đúng ý chí tự nguyện của ông.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xác định về mặt nội dung và hình thức của bản di chúc không trái quy định của pháp luật, đạo đức xã hội, phù hợp với các Điều 625, 627, 628, 630, 631, 634 Bộ luật dân sự do vậy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định di chúc ngày 11-11-2023 là hợp pháp.

[3] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí

và lệ phí Tòa án do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, khoản 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 623, Điều 630, Điều 631, Điều 632, Điều 634 Bộ luật dân sự; Điều 95, Điều 170, Điều 167 Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị L, tuyên xử: Công nhận di chúc của ông Vũ Đình X lập ngày 11-11-2023 là di chúc hợp pháp.

Về án phí: Bà Trần Thị L1 phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại chị Vũ Thị L số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số BLTU/24/0002599 ngày 25-03-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự, người đại diện theo uỷ quyền có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 9 - Hải Phòng;
- Thi hành án dân sự TP. Hải Phòng
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu Hằng

